

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ
VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG XÉT CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
HẠNG I NĂM 2026

Số: /TB-HĐXC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**Kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề
đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026**

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026 của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (sau đây viết tắt là Hội đồng xét cấp) đã tổ chức họp Hội đồng, thông qua và thống nhất kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026. Hội đồng xét cấp đã báo cáo Cục trưởng Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam kết quả sát hạch nêu trên.

Được sự đồng ý của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Hội đồng xét cấp trân trọng thông báo đến các cá nhân tham gia sát hạch các nội dung sau:

1. Điểm sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026 (chi tiết tại Phụ lục 01).

2. Tổng hợp kết quả sát hạch xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026 (chi tiết tại Phụ lục 02).

Thông báo này được đăng trên Công thông tin điện tử của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam tại địa chỉ: <https://dosmvn.mae.gov.vn>.

Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026 trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục trưởng Hoàng Ngọc Lâm (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Văn phòng Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, HĐXC.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG
Dương Văn Hải**

Phụ lục 1

TỔNG HỢP ĐIỂM SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXC ngày tháng 9 năm 2026
Của Hội đồng xét cấp Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Lê Ngọc Anh	Nam	29/9/1995	CCHN.001	25					20		
2	Nguyễn Thùy Anh	Nữ	18/11/1983	CCHN.002	35		52.5		50	45		
3	Hoàng Thị Mai Anh	Nữ	13/8/1981	CCHN.003	32.5	45			50	35	57.5	
4	Trương Quốc Bảo	Nam	19/10/1984	CCHN.004	22.5		45			45		
5	Trịnh Xuân Bắc	Nam	21/12/1975	CCHN.005	22.5					30		
6	Giáp Xuân Cảnh	Nam	20/11/1980	CCHN.006	30	42.5	47.5	52.5	50	50	57.5	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
7	Bùi Đức Công	Nam	20/10/1974	CCHN.007	40		50		52.5	42.5		
8	Tăng Bá Cường	Nam	07/12/1988	CCHN.008	30	47.5	40			47.5		
9	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	30/7/1987	CCHN.009	40					42.5		
10	Nguyễn Hải Châu	Nam	30/6/1981	CCHN.010	35					40		
11	Nguyễn Quang Chung	Nam	14/6/1981	CCHN.011	25					27.5		
12	Vũ Công Danh	Nam	16/7/1985	CCHN.012	30		47.5		55	45		
13	Mai Quý Dân	Nam	04/4/1975	CCHN.013	32.5	52.5	47.5	50	52.5	50	57.5	
14	Nguyễn Ngọc Doan	Nam	05/7/1974	CCHN.014	35		52.5		50	45		
15	Giáp Trọng Doanh	Nam	13/01/1995	CCHN.015	37.5		45		55	50		
16	Trần Quốc Dũng	Nam	17/3/1978	CCHN.016	32.5	45	47.5			37.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
17	Phùng Tuấn Dũng	Nam	29/01/1994	CCHN.017	17.5					12.5		
18	Võ Viết Dũng	Nam	14/9/1987	CCHN.018	32.5					45		
19	Đoàn Mạnh Dũng	Nam	07/4/1989	CCHN.019	30					30		
20	Huỳnh Nguyễn Nhựt Duy	Nam	11/6/1995	CCHN.020	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
21	Nguyễn Văn Dữ	Nam	24/10/1992	CCHN.021	30					47.5		
22	Đinh Văn Dực	Nam	30/11/1975	CCHN.022	35					40		
23	Nguyễn Văn Đàm	Nam	02/4/1983	CCHN.023	25					25		
24	Nguyễn Anh Đắc	Nam	27/10/1994	CCHN.024	30					22.5		
25	Nguyễn Cát Đình	Nam	30/6/1974	CCHN.025	Vắng thi		Vắng thi			Vắng thi		Vắng thi
26	Nguyễn Mạnh Đồng	Nam	24/5/1990	CCHN.026	32.5					25		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
27	Bùi Minh Đức	Nam	05/8/1988	CCHN.027	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
28	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/3/1986	CCHN.028	Vắng thi	Vắng thi				Vắng thi		Vắng thi
29	Trần Thị Giang	Nữ	10/6/1975	CCHN.029	30	45			52.5	37.5	50	
30	Nguyễn Viết Hải	Nam	02/5/1986	CCHN.030	35					25		
31	Lã Thị Mai Hạnh	Nữ	05/11/1988	CCHN.031	27.5		47.5	37.5		40		
32	Nguyễn Văn Hào	Nam	07/01/1965	CCHN.032	30					45		
33	Cao Thị Diễm Hằng	Nữ	19/12/1979	CCHN.033	22.5	52.5	15			15		
34	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	07/9/1992	CCHN.034	30					45		
35	Ngô Thị Thúy Hằng	Nữ	10/11/1983	CCHN.035	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
36	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	09/8/1996	CCHN.036	27.5		22.5			42.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
37	Đặng Đức Hiệu	Nam	10/02/1969	CCHN.037	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
38	Lê Thị Hoài	Nữ	22/01/1987	CCHN.038	37.5	45			55	45	52.5	
39	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	05/10/1985	CCHN.039	37.5	45				40		
40	Lê Xuân Huân	Nam	23/4/1980	CCHN.040	32.5	42.5				35		
41	Văn Thị Huệ	Nữ	07/6/1987	CCHN.041	30		35	40	47.5	37.5		
42	Trương Văn Hùng	Nam	09/10/1994	CCHN.042	20					37.5		
43	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	17/11/1980	CCHN.043	22.5					27.5		
44	Nguyễn Phi Hùng	Nam	23/9/1996	CCHN.044	30					50		
45	Hoàng Quang Huy	Nam	08/7/1982	CCHN.045	30					40		
46	Tăng Việt Hưng	Nam	04/02/1982	CCHN.046	30	42.5	40		55	42.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
47	Vũ Ngọc Hưng	Nam	03/11/1982	CCHN.047	35		42.5			45		
48	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	24/5/1994	CCHN.048	32.5					35		
49	Hồ Xuân Hương	Nam	22/4/1991	CCHN.049	32.5					37.5		
50	Dương Văn Kiên	Nam	26/5/1992	CCHN.050	27.5					42.5		
51	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	01/12/1982	CCHN.051	32.5					40		
52	Vương Long Khánh	Nam	06/2/1985	CCHN.052	25					25		
53	Tòng Văn Khiển	Nam	14/01/1989	CCHN.053	27.5					27.5		
54	Đặng Văn Lắm	Nam	08/9/1979	CCHN.054	32.5					30		
55	Trương Ngọc Lâm	Nam	26/12/1980	CCHN.055	27.5		42.5		50			
56	Nguyễn Thị Lê	Nữ	27/10/1983	CCHN.056	27.5	45	35			35		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
57	Trần Nhật Linh	Nữ	15/5/1997	CCHN.057	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
58	Nguyễn Thị Linh	Nữ	16/9/1992	CCHN.058	32.5					35		
59	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	12/11/1996	CCHN.059	35					30		
60	Võ Thị Loan	Nữ	15/4/1984	CCHN.060	37.5					40		
61	Phan Khắc Long	Nam	15/11/1978	CCHN.061	32.5		52.5	47.5	47.5	47.5	55	
62	Ngô Hữu Lợi	Nam	26/10/1990	CCHN.062	37.5					42.5		
63	Trần Bá Luyện	Nam	20/01/1982	CCHN.063	30					35		
64	Lê Văn Lực	Nam	12/8/1992	CCHN.064	32.5					37.5		
65	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	CCHN.065	35	50	47.5			42.5		
66	Lê Thị Mai	Nữ	20/10/1986	CCHN.066	32.5	47.5			42.5	47.5	50	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
67	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam	27/6/1991	CCHN.067	35	40				37.5		
68	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	08/4/1986	CCHN.068	25					40		
69	Đào Quang Minh	Nam	14/5/1987	CCHN.069	30	52.5	42.5			35	47.5	
70	Nguyễn Phương Nam	Nam	26/10/1985	CCHN.070	32.5		45		55	50		
71	Nguyễn Thị Nở	Nữ	15/4/1976	CCHN.071	32.5					40	50	
72	Tạ Thị Ngân	Nữ	16/11/1985	CCHN.072	35		55			42.5		
73	Phan Trung Nghĩa	Nam	22/11/1973	CCHN.073	35					40		
74	Ngô Xuân Nghĩa	Nam	24/10/1993	CCHN.074	27.5					45		
75	Nguyễn Hữu Ngọc	Nam	23/6/1990	CCHN.075	30					42.5		
76	Trần Quang Ngọc	Nam	09/6/1977	CCHN.076	27.5					40		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
77	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	10/10/1984	CCHN.077	22.5		45			37.5		
78	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	14/5/1994	CCHN.078	17.5					15		
79	Nguyễn Tấn Phát	Nam	30/10/1998	CCHN.079	27.5	40				32.5		
80	Phan Thê Phong	Nam	04/5/1990	CCHN.080	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
81	Lê Thiện Phúc	Nam	06/01/1994	CCHN.081	22.5					32.5		
82	Nguyễn Văn Phúc	Nam	09/6/1992	CCHN.082	30					32.5		
83	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/9/1995	CCHN.083	30					40		
84	Nguyễn Văn Phương	Nam	20/01/1984	CCHN.084	35		40		45	50		
85	Trần Tuấn Phương	Nam	20/8/1985	CCHN.085	12.5		25			35		
86	Nguyễn Mai Phương	Nữ	19/9/1991	CCHN.086	37.5	40			60	47.5	50	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
87	Phạm Hữu Quang	Nam	18/01/1978	CCHN.087	35					47.5		
88	Lê Trọng Quý	Nam	11/4/1979	CCHN.088	25	30				37.5		
89	Lê Đình Quý	Nam	28/01/1993	CCHN.089	32.5					37.5		
90	Nguyễn Duy Quyết	Nam	03/5/1983	CCHN.090	25		27.5			37.5		
91	Hoàng Minh Quyết	Nam	28/9/1991	CCHN.091	37.5					55		
92	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	12/5/1977	CCHN.092	37.5	55				32.5		
93	Đỗ Ngọc Sang	Nam	20/4/1988	CCHN.093	35					35		
94	Phùng Thị Sơn	Nữ	06/11/1994	CCHN.094	27.5					22.5		
95	Ngô Cao Sơn	Nam	30/6/1978	CCHN.095	37.5		52.5		55	47.5		
96	Trần Thái Sơn	Nam	24/3/1987	CCHN.096	30					57.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
97	Nguyễn Minh Sum	Nam	01/01/1997	CCHN.097	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
98	Bùi Văn Sự	Nam	15/6/1993	CCHN.098	27.5					30		
99	Vương Quang Tâm	Nam	04/4/1983	CCHN.099	Miễn PL	47.5				47.5		
100	Nguyễn Thanh Tân	Nam	16/01/1991	CCHN.100	22.5					42.5		
101	Lưu Văn Tấn	Nam	10/9/1984	CCHN.101	30					47.5		
102	Nguyễn Minh Tiến	Nam	20/02/1990	CCHN.102	35					35		
103	Phí Thanh Tiến	Nam	18/11/1983	CCHN.103	17.5					22.5		
104	Vũ Đình Tình	Nam	12/6/1969	CCHN.104	30					27.5		
105	Đặng Văn Tú	Nam	13/5/1989	CCHN.105	27.5	37.5				40		
106	Phan Minh Tuấn	Nam	12/6/1986	CCHN.106	Vắng thi					Vắng thi		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
107	Nguyễn Hữu Tùng	Nam	20/9/1986	CCHN.107	27.5					45		
108	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	05/8/1980	CCHN.108	35					37.5		
109	Võ Đình Sơn Tùng	Nam	18/6/1987	CCHN.109	30					35		
110	Lưu Như Tuyền	Nam	20/8/1979	CCHN.110	35					42.5		
111	Đặng Minh Thanh	Nam	15/6/1994	CCHN.111	32.5					37.5		
112	Nguyễn Tăng Nhật Thành	Nam	03/7/1994	CCHN.112	35					42.5		
113	Lê Chiến Thắng	Nam	30/8/1991	CCHN.113	30					35		
114	Nguyễn Trọng Thắng	Nam	11/10/1986	CCHN.114	Vắng thi		Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi		Vắng thi
115	Mai Quý Thắng	Nam	18/8/1996	CCHN.115	37.5					37.5		
116	Nguyễn Thị Thân	Nữ	26/10/1996	CCHN.116	35					37.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
117	Nguyễn Hữu Thịnh	Nam	23/02/1990	CCHN.117	32.5	50				40		
118	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	31/10/1978	CCHN.118	25					45		
119	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/4/1994	CCHN.119	27.5	25				30		
120	Hoàng Trung Thông	Nam	02/6/1990	CCHN.120	32.5		45		52.5	42.5		
121	Lê Ngọc Thúy	Nữ	15/4/1982	CCHN.121	32.5		52.5	55	60	50		
122	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	18/11/1982	CCHN.122	27.5		27.5	25		40		
123	Đào Thị Trâm	Nữ	04/02/1994	CCHN.123	27.5					40		
124	Bùi Phụ Trí	Nam	20/5/1998	CCHN.124	22.5					42.5		
125	Vũ Đức Trung	Nam	16/8/1988	CCHN.125	37.5	45	55		47.5	50		
126	Trần Quang Trung	Nam	01/8/1988	CCHN.126	30					40		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
127	Phan Văn Trung	Nam	30/4/1997	CCHN.127	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
128	Trần Quốc Truyền	Nam	14/10/1996	CCHN.128	37.5					35		
129	Trương Minh Trường	Nam	28/02/1994	CCHN.129	40	52.5	50			47.5		
130	Trần Anh Văn	Nam	08/01/1993	CCHN.130	27.5					35		
131	Lê Vũ Anh Việt	Nam	03/5/1996	CCHN.131	27.5					30		
132	Đoàn Quốc Việt	Nam	05/01/1985	CCHN.132	Vắng thi					Vắng thi		Vắng thi
133	Trần Quốc Việt	Nam	22/12/1989	CCHN.133	35					35		
134	Võ Ngọc Vũ	Nam	14/10/1983	CCHN.134	32.5		52.5			32.5		
135	Đặng Tuấn Vũ	Nam	09/11/1991	CCHN.135	32.5	42.5				40		
136	Phạm Ngọc Vũ	Nam	13/10/1975	CCHN.136	27.5					17.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
137	Ngô Văn Xuân	Nam	11/12/1976	CCHN.137	25					37.5	Vắng thi	
138	Phạm Thị Xuân	Nữ	22/9/1989	CCHN.138	32.5	50				40		
139	Trương Huỳnh Dũng	Nam	18/02/1983	CCHN.139	35	40	40				Vắng thi	
140	Nguyễn Đức Giang	Nam	20/10/1984	CCHN.140	40		40	37.5				
141	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	CCHN.141	27.5	37.5	42.5					
142	Phạm Văn Khải	Nam	14/3/1983	CCHN.142	30		40					
143	Vũ Đức Nam	Nam	19/10/1971	CCHN.143	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi					Vắng thi
144	Trịnh Việt Nga	Nữ	24/11/1971	CCHN.144	35	Miễn KNNN	Miễn KNNN	Miễn KNNN	Miễn KNNN		Miễn KNNN	
145	Nguyễn Thị Thanh Ngà	Nữ	14/9/1994	CCHN.145	35	35					45	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Điểm Kiến thức pháp luật	Điểm Kinh nghiệm nghề nghiệp						Ghi chú
						Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
146	Lê Trọng Nghĩa	Nam	03/10/1979	CCHN.146	35		42.5					
147	Vũ Văn Quyết	Nam	10/6/1987	CCHN.147	35		50	35				
148	Trần Toan	Nam	16/3/1987	CCHN.148	37.5	45	42.5					
149	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	20/12/1991	CCHN.149	32.5		50	40				
150	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	25/7/1976	CCHN.150	37.5		45					
151	Lê Thị Ý Vi	Nữ	08/6/1996	CCHN.151	35	37.5					50	

Ghi chú:

- * Miễn KNNN: Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp
- * Miễn PL: Miễn sát hạch kiến thức pháp luật.
- * Vắng thi: Vắng thi sát hạch kiến thức pháp luật/kinh nghiệm nghề nghiệp.

Phụ lục 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ HẠNG I NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXC ngày tháng 9 năm 2026
Của Hội đồng xét cấp Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
I	Danh sách thí sinh ĐẠT yêu cầu về điểm sát hạch để xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I theo nội dung (46 người)										
1	Nguyễn Thùy Anh	Nữ	18/11/1983	CCHN.002		87.5		85	80		
2	Hoàng Thị Mai Anh	Nữ	13/8/1981	CCHN.003	77.5			82.5	67.5	90	
3	Giáp Xuân Cảnh	Nam	20/11/1980	CCHN.006	72.5	77.5	82.5	80	80	87.5	
4	Bùi Đức Công	Nam	20/10/1974	CCHN.007		90		92.5	82.5		
5	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	30/7/1987	CCHN.009					82.5		
6	Vũ Công Danh	Nam	16/7/1985	CCHN.012		77.5		85	75		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
7	Mai Quý Dân	Nam	04/4/1975	CCHN.013	85	80	82.5	85	82.5	90	
8	Nguyễn Ngọc Doan	Nam	05/7/1974	CCHN.014		87.5		85	80		
9	Giáp Trọng Doanh	Nam	13/01/1995	CCHN.015		82.5		92.5	87.5		
10	Trần Quốc Dũng	Nam	17/3/1978	CCHN.016	77.5	80			70		
11	Trần Thị Giang	Nữ	10/6/1975	CCHN.029	75			82.5	67.5	80	
12	Lê Thị Hoài	Nữ	22/01/1987	CCHN.038	82.5			92.5	82.5	90	
13	Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	05/10/1985	CCHN.039	82.5				77.5		
14	Nguyễn Phi Hùng	Nam	23/9/1996	CCHN.044					80		
15	Tăng Việt Hưng	Nam	04/02/1982	CCHN.046	72.5	70		85	72.5		
16	Vũ Ngọc Hưng	Nam	03/11/1982	CCHN.047		77.5			80		
17	Phan Khắc Long	Nam	15/11/1978	CCHN.061		85	80	80	80	87.5	
18	Ngô Hữu Lợi	Nam	26/10/1990	CCHN.062					80		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
19	Phan Thị Lương	Nữ	09/10/1978	CCHN.065	85	82.5			77.5		
20	Lê Thị Mai	Nữ	20/10/1986	CCHN.066	80			75	80	82.5	
21	Đào Quang Minh	Nam	14/5/1987	CCHN.069	82.5	72.5			65	77.5	
22	Nguyễn Phương Nam	Nam	26/10/1985	CCHN.070		77.5		87.5	82.5		
23	Nguyễn Thị Nở	Nữ	15/4/1976	CCHN.071					72.5	82.5	
24	Tạ Thị Ngân	Nữ	16/11/1985	CCHN.072		90			77.5		
25	Nguyễn Văn Phương	Nam	20/01/1984	CCHN.084		75		80	85		
26	Nguyễn Mai Phương	Nữ	19/9/1991	CCHN.086	77.5			97.5	85	87.5	
27	Phạm Hữu Quang	Nam	18/01/1978	CCHN.087					82.5		
28	Hoàng Minh Quyết	Nam	28/9/1991	CCHN.091					92.5		
29	Nguyễn Văn Quỳnh	Nam	12/5/1977	CCHN.092	92.5				70		
30	Ngô Cao Sơn	Nam	30/6/1978	CCHN.095		90		92.5	85		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
31	Trần Thái Sơn	Nam	24/3/1987	CCHN.096					87.5		
32	Nguyễn Hữu Thịnh	Nam	23/02/1990	CCHN.117	82.5				72.5		
33	Hoàng Trung Thông	Nam	02/6/1990	CCHN.120		77.5		85	75		
34	Lê Ngọc Thúy	Nữ	15/4/1982	CCHN.121		85	87.5	92.5	82.5		
35	Vũ Đức Trung	Nam	16/8/1988	CCHN.125	82.5	92.5		85	87.5		
36	Trương Minh Trường	Nam	28/02/1994	CCHN.129	92.5	90			87.5		
37	Võ Ngọc Vũ	Nam	14/10/1983	CCHN.134		85			65		
38	Phạm Thị Xuân	Nữ	22/9/1989	CCHN.138	82.5				72.5		
39	Nguyễn Đức Giang	Nam	20/10/1984	CCHN.140		80	77.5				
40	Trịnh Việt Nga	Nữ	24/11/1971	CCHN.144	35 (KTPL) + Miễn KNNN	35 (KTPL) + Miễn KNNN	35 (KTPL) + Miễn KNNN	35 (KTPL) + Miễn KNNN		35 (KTPL) + Miễn KNNN	Miễn KNNN
41	Nguyễn Thị Thanh Ngà	Nữ	14/9/1994	CCHN.145	70					80	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
42	Vũ Văn Quyết	Nam	10/6/1987	CCHN.147		85	70				
43	Trần Toan	Nam	16/3/1987	CCHN.148	82.5	80					
44	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	20/12/1991	CCHN.149		82.5	72.5				
45	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	25/7/1976	CCHN.150		82.5					
46	Lê Thị Ý Vi	Nữ	08/6/1996	CCHN.151	72.5					85	
II	Danh sách thí sinh KHÔNG ĐẠT yêu cầu về điểm sát hạch để xét cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I (105 người)										
1	Lê Ngọc Anh	Nam	29/9/1995	CCHN.001					45		
2	Trương Quốc Bảo	Nam	19/10/1984	CCHN.004		67.5			67.5		
3	Trịnh Xuân Bắc	Nam	21/12/1975	CCHN.005					52.5		
4	Tăng Bá Cường	Nam	07/12/1988	CCHN.008	77.5	70			77.5		
5	Nguyễn Hải Châu	Nam	30/6/1981	CCHN.010					75		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
6	Nguyễn Quang Chung	Nam	14/6/1981	CCHN.011					52.5		
7	Phùng Tuấn Dũng	Nam	29/01/1994	CCHN.017					30		
8	Võ Viết Dũng	Nam	14/9/1987	CCHN.018					77.5		
9	Đoàn Mạnh Dũng	Nam	07/4/1989	CCHN.019					60		
10	Huỳnh Nguyễn Nhựt Duy	Nam	11/6/1995	CCHN.020					Vắng thi		Vắng thi
11	Nguyễn Văn Dự	Nam	24/10/1992	CCHN.021					77.5		
12	Đinh Văn Dược	Nam	30/11/1975	CCHN.022					75		
13	Nguyễn Văn Đảm	Nam	02/4/1983	CCHN.023					50		
14	Nguyễn Anh Đắc	Nam	27/10/1994	CCHN.024					52.5		
15	Nguyễn Cát Đình	Nam	30/6/1974	CCHN.025		Vắng thi			Vắng thi		Vắng thi
16	Nguyễn Mạnh Đồng	Nam	24/5/1990	CCHN.026					57.5		
17	Bùi Minh Đức	Nam	05/8/1988	CCHN.027					Vắng thi		Vắng thi

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
18	Nguyễn Văn Đức	Nam	23/3/1986	CCHN.028	Vắng thi				Vắng thi		Vắng thi
19	Nguyễn Viết Hải	Nam	02/5/1986	CCHN.030					60		
20	Lã Thị Mai Hạnh	Nữ	05/11/1988	CCHN.031		75	65		67.5		
21	Nguyễn Văn Hào	Nam	07/01/1965	CCHN.032					75		
22	Cao Thị Diễm Hằng	Nữ	19/12/1979	CCHN.033	75	37.5			37.5		
23	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	07/9/1992	CCHN.034					75		
24	Ngô Thị Thúy Hằng	Nữ	10/11/1983	CCHN.035					Vắng thi		Vắng thi
25	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	09/8/1996	CCHN.036		50			70		
26	Đặng Đức Hiệu	Nam	10/02/1969	CCHN.037					Vắng thi		Vắng thi
27	Lê Xuân Huân	Nam	23/4/1980	CCHN.040	75				67.5		
28	Văn Thị Huệ	Nữ	07/6/1987	CCHN.041		65	70	77.5	67.5		
29	Trương Văn Hùng	Nam	09/10/1994	CCHN.042					57.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
30	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	17/11/1980	CCHN.043					50		
31	Hoàng Quang Huy	Nam	08/7/1982	CCHN.045					70		
32	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	24/5/1994	CCHN.048					67.5		
33	Hồ Xuân Hương	Nam	22/4/1991	CCHN.049					70		
34	Dương Văn Kiên	Nam	26/5/1992	CCHN.050					70		
35	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	01/12/1982	CCHN.051					72.5		
36	Vương Long Khánh	Nam	06/2/1985	CCHN.052					50		
37	Tòng Văn Khiển	Nam	14/01/1989	CCHN.053					55		
38	Đặng Văn Lắm	Nam	08/9/1979	CCHN.054					62.5		
39	Trương Ngọc Lâm	Nam	26/12/1980	CCHN.055		70		77.5			
40	Nguyễn Thị Lê	Nữ	27/10/1983	CCHN.056	72.5	62.5			62.5		
41	Trần Nhật Linh	Nữ	15/5/1997	CCHN.057					Vắng thi		Vắng thi

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
42	Nguyễn Thị Linh	Nữ	16/9/1992	CCHN.058					67.5		
43	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	12/11/1996	CCHN.059					65		
44	Võ Thị Loan	Nữ	15/4/1984	CCHN.060					77.5		
45	Trần Bá Luyện	Nam	20/01/1982	CCHN.063					65		
46	Lê Văn Lực	Nam	12/8/1992	CCHN.064					70		
47	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam	27/6/1991	CCHN.067	75				72.5		
48	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	08/4/1986	CCHN.068					65		
49	Phan Trung Nghĩa	Nam	22/11/1973	CCHN.073					75		
50	Ngô Xuân Nghĩa	Nam	24/10/1993	CCHN.074					72.5		
51	Nguyễn Hữu Ngọc	Nam	23/6/1990	CCHN.075					72.5		
52	Trần Quang Ngọc	Nam	09/6/1977	CCHN.076					67.5		
53	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	10/10/1984	CCHN.077		67.5			60		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
54	Lê Thị Kiều Oanh	Nữ	14/5/1994	CCHN.078					32.5		
55	Nguyễn Tấn Phát	Nam	30/10/1998	CCHN.079	67.5				60		
56	Phan Thế Phong	Nam	04/5/1990	CCHN.080							Vắng thi
57	Lê Thiện Phúc	Nam	06/01/1994	CCHN.081					55		
58	Nguyễn Văn Phúc	Nam	09/6/1992	CCHN.082					62.5		
59	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/9/1995	CCHN.083					70		
60	Trần Tuấn Phương	Nam	20/8/1985	CCHN.085		37.5			47.5		
61	Lê Trọng Quý	Nam	11/4/1979	CCHN.088	55				62.5		
62	Lê Đình Quý	Nam	28/01/1993	CCHN.089					70		
63	Nguyễn Duy Quyết	Nam	03/5/1983	CCHN.090		52.5			62.5		
64	Đỗ Ngọc Sang	Nam	20/4/1988	CCHN.093					70		
65	Phùng Thị Sơn	Nữ	06/11/1994	CCHN.094					50		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
66	Nguyễn Minh Sum	Nam	01/01/1997	CCHN.097					Vắng thi		Vắng thi
67	Bùi Văn Sự	Nam	15/6/1993	CCHN.098					57.5		
68	Vương Quang Tâm	Nam	04/4/1983	CCHN.099	Miễn PL+47.5				Miễn PL+47.5		Miễn PL
69	Nguyễn Thanh Tân	Nam	16/01/1991	CCHN.100					65		
70	Lưu Văn Tấn	Nam	10/9/1984	CCHN.101					77.5		
71	Nguyễn Minh Tiến	Nam	20/02/1990	CCHN.102					70		
72	Phí Thanh Tiến	Nam	18/11/1983	CCHN.103					40		
73	Vũ Đình Tình	Nam	12/6/1969	CCHN.104					57.5		
74	Đặng Văn Tú	Nam	13/5/1989	CCHN.105	65				67.5		
75	Phan Minh Tuấn	Nam	12/6/1986	CCHN.106					Vắng thi		Vắng thi
76	Nguyễn Hữu Tùng	Nam	20/9/1986	CCHN.107					72.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
77	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	05/8/1980	CCHN.108					72.5		
78	Võ Đình Sơn Tùng	Nam	18/6/1987	CCHN.109					65		
79	Lưu Như Tuyền	Nam	20/8/1979	CCHN.110					77.5		
80	Đặng Minh Thanh	Nam	15/6/1994	CCHN.111					70		
81	Nguyễn Tăng Nhật Thành	Nam	03/7/1994	CCHN.112					77.5		
82	Lê Chiến Thắng	Nam	30/8/1991	CCHN.113					65		
83	Nguyễn Trọng Thắng	Nam	11/10/1986	CCHN.114		Vắng thi		Vắng thi	Vắng thi		Vắng thi
84	Mai Quý Thắng	Nam	18/8/1996	CCHN.115					75		
85	Nguyễn Thị Thân	Nữ	26/10/1996	CCHN.116					72.5		
86	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	31/10/1978	CCHN.118					70		
87	Nguyễn Duy Thông	Nam	07/4/1994	CCHN.119	52.5				57.5		
88	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	18/11/1982	CCHN.122		55	52.5		67.5		

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
89	Đào Thị Trâm	Nữ	04/02/1994	CCHN.123					67.5		
90	Bùi Phụ Trí	Nam	20/5/1998	CCHN.124					65		
91	Trần Quang Trung	Nam	01/8/1988	CCHN.126					70		
92	Phan Văn Trung	Nam	30/4/1997	CCHN.127					Vắng thi		Vắng thi
93	Trần Quốc Truyền	Nam	14/10/1996	CCHN.128					72.5		
94	Trần Anh Văn	Nam	08/01/1993	CCHN.130					62.5		
95	Lê Vũ Anh Việt	Nam	03/5/1996	CCHN.131					57.5		
96	Đoàn Quốc Việt	Nam	05/01/1985	CCHN.132					Vắng thi		Vắng thi
97	Trần Quốc Việt	Nam	22/12/1989	CCHN.133					70		
98	Đặng Tuấn Vũ	Nam	09/11/1991	CCHN.135	75				72.5		
99	Phạm Ngọc Vũ	Nam	13/10/1975	CCHN.136					45		
100	Ngô Văn Xuân	Nam	11/12/1976	CCHN.137					62.5	Vắng thi	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã số sát hạch	Tổng điểm thi sát hạch theo nội dung						Ghi chú
					Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ	Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, thành lập bản đồ từ dữ liệu ảnh hàng không, dữ liệu ảnh viễn thám	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp	Thành lập bản đồ chuyên ngành, tập bản đồ	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	
101	Trương Huỳnh Dũng	Nam	18/02/1983	CCHN.139	75	75				Vắng thi	
102	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/11/1979	CCHN.141	65	70					
103	Phạm Văn Khải	Nam	14/3/1983	CCHN.142		70					
104	Vũ Đức Nam	Nam	19/10/1971	CCHN.143	Vắng thi	Vắng thi					Vắng thi
105	Lê Trọng Nghĩa	Nam	03/10/1979	CCHN.146		77.5					

Ghi chú:

- * Miễn KNNN: Miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp
- * Miễn PL: Miễn sát hạch kiến thức pháp luật.
- * Vắng thi: Vắng thi sát hạch kiến thức pháp luật/kinh nghiệm nghề nghiệp.
- * Cá nhân có kết quả sát hạch từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.
- * Cá nhân được miễn sát hạch kiến thức pháp luật, có kết quả sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp từ 48 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.
- * Cá nhân được miễn sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp, có kết quả sát hạch kiến thức pháp luật từ 32 điểm trở lên thì đạt yêu cầu xét cấp chứng chỉ hành nghề.